TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Minh Thúy
2. Ông Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lừ Thị B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản K, xã T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản K, xã T, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 22/9/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lừ Thị B trình bày:

Chị Lừ Thị B và anh Lò Văn M tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã M2, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (nay là xã T, tỉnh Sơn La) vào ngày 31/10/2005, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, từ đó hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Lừ Thị B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Lò Văn M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị Lừ Thị B và anh Lò Văn M có 03 con chung là cháu Lò Thị P, sinh ngày 30/11/2006, cháu Lò Thị N, sinh ngày 22/8/2008 và cháu Lò Minh C, sinh ngày 21/12/2011. Cháu Lò Thị P đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Lò Thị N và Lò Minh C hiện tại đang ở với chị B, chị B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lừ Thị B chưa yêu cầu anh Lò Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị Lừ Thị B không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 10/12/2025 với trưởng bản Khoa, xã T; chính quyền địa phương xã T, tỉnh Sơn La, và biên bản xác minh với ông Lò Văn M1 (anh trai anh Lò Văn M) xác định: Chị Lừ Thị B và anh Lò Văn M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M2, huyện B (nay là xã T) và cùng nhau chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi hai vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên nhủ, động viên để chị B, anh M quay lại đoàn tụ nhưng không thành. Trong thời gian gần đây, anh M đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về thăm nhà xong lại đi nhưng không nói rõ với gia đình địa chỉ cụ thể ở đâu.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lừ Thị B, anh Lò Văn M có 03 con chung là cháu Lò Thị P, sinh ngày 30/11/2006, cháu Lò Thị N, sinh ngày 22/8/2008 và cháu Lò Minh C, sinh ngày 21/12/2011, hiện tại các cháu đang ở với chị Lừ Thị B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La đã tiến hành xác minh với Công an xã T xác định anh Lò Văn M có nơi thường trú là ở bản K, xã T, tỉnh Sơn La cùng hộ khẩu thường trú với gia đình anh trai ruột là Lò Văn M3. Anh Lò Văn M không đăng ký tạm trú, tạm vắng ở nơi khác.

Toà án nhân dân khu vực 5 – Sơn La đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định để anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ, trình bày ý kiến, lấy lời khai nhưng anh M không có phản hồi và đều vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/12/2025, anh Lò Văn M vắng mặt, chị Lừ Thị B giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ hay có yêu cầu gì khác. Anh Lò Văn M không có mặt nên chị B đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Vì vậy căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207; Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về quan hệ hôn nhân, phân chia

trách nhiệm nuôi con chung đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – chị Lừ Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lừ Thị B được ly hôn với anh Lò Văn M.

Về con chung: Cháu Lò Thị P, sinh ngày 30/11/2006, hiện nay cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị Lừ Thị B không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 22/8/2008 và cháu Lò Minh C, sinh ngày 21/12/2011 cho chị Lừ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lò Văn M, do chị Lừ Thị B chưa có yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lừ Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị Lừ Thị B là phù hợp quy định của pháp luật. Việc khởi kiện trên thuộc trường hợp tranh

chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã T vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lừ Thị B và anh Lò Văn M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã M3, huyện B, tỉnh Sơn La (nay là xã T, tỉnh Sơn La) theo đúng quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, anh M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B và anh M đã sống ly thân mỗi người một nơi trong một thời gian dài. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B đề nghị Tòa án xem xét giải quyết được ly hôn với anh Lò Văn M. Lời khai của chị Lừ Thị B là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Lừ Thị B là có căn cứ bởi lẽ: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tiến bộ, bền vững. Tuy nhiên kể từ khi xảy ra mâu thuẫn chị B và anh M đã sống ly thân mỗi người ở một nơi từ khoảng năm 2011 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lò Văn M nhiều lần nhằm mục đích hòa giải cho vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh M đều vắng mặt, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị B và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lừ Thị B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Lừ Thị B với anh Lò Văn M có với nhau 03 con chung là cháu Lò Thị P, sinh ngày 30/11/2006, cháu Lò Thị N, sinh ngày 22/8/2008 và cháu Lò Minh C, sinh ngày 21/12/2011. Cháu Lò Thị P đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên chị B không yêu cầu giải quyết. Hiện nay, cháu Lò Thị N và Lò Minh C cháu đang ở, học tập và có cuộc sống ổn định cùng mẹ là chị Lừ Thị B, anh Lò Văn M đi làm ăn xa không thường xuyên ở nhà. Chị B có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cháu Nam và cháu Công có ý kiến xin được ở với mẹ. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao hai cháu Lò Thị N, sinh ngày 22/8/2008 và cháu Lò Minh C, sinh ngày 21/12/2011 cho chị Lừ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lừ Thị B chưa yêu cầu anh Lò Văn M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lừ Thị B là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã T là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị B có đơn xin miễn án phí, do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lừ Thị B.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lừ Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lừ Thị B được ly hôn với anh Lò Văn M.

- Về con chung: Cháu Lò Thị P, sinh ngày 30/11/2006, hiện nay cháu đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị B không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 22/8/2008 và cháu Lò Minh C, sinh ngày 21/12/2011 cho chị Lừ Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lò Văn M, do chị Lừ Thị B chưa có yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lừ Thị B. Trả lại chị Lừ Thị B 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000531 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 – Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉTXỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Ngô Huyền Trang